TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2026/LĐ-ST
Ngày: 31-3-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng lao động và huỷ kết quả đóng bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Phạm Minh Thuận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 18/2025/TLST-LĐ ngày 18/10/2025 về "tranh chấp về hợp đồng lao động và huỷ kết quả đóng bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Bích T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ E, ấp I, xã T, tỉnh An Giang. Tạm trú: Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH P; địa chỉ: Đường N, Khu Công nghiệp M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện hợp pháp: Ông Lin Kuan C.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ E, ấp I, xã T, tỉnh An Giang. Tạm trú: Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bảo hiểm xã Hội cơ sở B; địa chỉ: Khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh,

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Dương Thị Bích T trình bày:

Nguyên đơn bà T cho bà Đ mượn giấy tờ cá nhân để đi làm công nhân. Bà Đ đã dùng giấy tờ cá nhân của bà T để tham gia ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội tại công ty TNHH P. Nay, bà T được biết sổ bảo hiểm số 7409282304 do Công ty TNHH P đóng bảo hiểm cho bà Dương Thị Bích T từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2010 có trùng với thời gian đóng bảo hiểm của sổ bảo hiểm 7409266453 từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010 tại Công ty TNHH I và Y V. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị Đ (giấy tờ là bà T) và công ty TNHH P và hủy sổ bảo hiểm số 7409282304 do công Công ty TNHH P đóng cho bà Huỳnh Thị Đ (*thực chất trên giấy tờ là đóng cho bà Dương Thị Bích T*).

Ngày 10/3/2026, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện với đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị Đ (giấy tờ là bà T) và công ty TNHH P là vô hiệu, không yêu cầu hủy sổ bảo hiểm xã hội số 7409282304, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

2. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH P trình bày:

Bà T cho bà Đ mượn giấy tờ cá nhân để tham gia ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P thì công ty không biết. Trước yêu cầu khởi kiện của bà T, Công ty TNHH P đồng ý.

3. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Đ trình bày:

Năm 2010, do chưa có giấy tờ cá nhân nên bà Đ mượn giấy tờ của bà T để tham gia ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội với công ty TNHH P. Nay, bà T nghỉ việc và có nhu cầu nhận bảo hiểm xã hội một lần thì được biết sổ bảo hiểm số 7409282304 do công Công ty TNHH P đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Dương Thị Bích T từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2010 có trùng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội số 7409266453 tại Công ty TNHH I và Y V. Trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà Đ đồng ý.

4. Quá trình giải quyết vụ án, Bảo hiểm xã Hội cơ sở B trình bày:

Số sổ bảo hiểm 7409282304 do công Công ty TNHH P đóng bảo hiểm cho bà Dương Thị Bích T từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2010 có trùng với thời gian

đóng bảo hiểm của sổ bảo hiểm 7409266453 tại Công ty TNHH I và Y V. Bảo hiểm cơ sở B không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại và các thủ tục tố tụng khác;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Đối với nguyên đơn: Từ khi Tòa án thụ lý vụ việc đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án thì nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi Tòa án thụ lý vụ việc đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án thì bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thực hiện đầy đủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên toà hôm nay, Viện kiểm sát có ý kiến như sau: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Dương Thị Bích T (cho bà Huỳnh Thị Đ mượn) và Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2010 vô hiệu. Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy Dương Thị Bích T có ký kết hợp đồng lao động với công ty trách nhiệm hữu hạn I và Y V từ tháng 9/2009 đến 3/2010 và được Công ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số 7409266453.

Việc bà Đ sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 7 Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó việc bà T yêu cầu tuyên vô

hiệu hợp đồng lao động giữa bà Dương Thị Bích T (do bà Huỳnh Thị Đ mượn) với Công ty TNHH P là có căn cứ theo quy định tại Điều 132 và Điều 37 Bộ luật Dân sự năm 2005.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Đối với yêu cầu hủy sổ bảo hiểm số 7409282304 do công Công ty TNHH P đóng cho bà Huỳnh Thị Đ (*thực chất trên giấy tờ là đóng cho bà Dương Thị Bích T*). Ngày 10/3/2026, bà T đã rút lại yêu cầu này. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bà T, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Các vấn đề đương sự thống nhất: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đ đều thừa nhận giữa công ty TNHH P và người lao động tên Dương Thị Bích T (người thật là Huỳnh Thị Đ) có ký kết hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2010.

[4] Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị Đ (giấy tờ là bà T) và công ty TNHH P vô hiệu:

[4.1] Xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan không còn lưu giữ các hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án.

[4.2] Bảo hiểm xã hội cơ sở B cung cấp: Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động tên Dương Thị Bích T (thực chất là bà Đ), có mã số bảo hiểm xã hội: 7409282304 có quá trình làm việc tại Công ty TNHH P từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2010. Đồng thời có mã số sổ bảo hiểm xã hội số 7409266453 thể hiện quá trình làm việc tại Công ty TNHH I và Y V từ tháng 09/2009 đến tháng 02/2010. Như vậy trong cùng một khoảng thời gian, việc bà T làm việc tại hai Công ty khác nhau và có đến hai Công ty cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T với hai mã số khác nhau là điều không phù hợp với thực tế.

[4.3] Xét thấy, bà Đ sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với công ty TNHH P là hành vi lừa dối về mặt chủ thể, vi phạm nguyên tắc trung thực khi xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình trong quan hệ lao động. Do đó việc bà T yêu cầu tuyên vô

đồng lao động giữa bà Dương Thị Bích T (thực tế là bà Huỳnh Thị Đ mượn tên) với công ty TNHH P vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 4, Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Bà T chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, công ty TNHH P và bà Đ không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh, cập nhật thông tin và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 4, Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 7, 15, 17, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 32, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Bích T đối với công ty TNHH P về việc "tranh chấp hợp đồng lao động".

Tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập dưới tên bà Dương Thị Bích T (*bà Huỳnh Thị Đ mượn tên*) với công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2010 là vô hiệu.

Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh, cập nhật thông tin và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Bích T đối với yêu cầu huỷ sổ bảo hiểm xã hội số 7409282304 mang tên Dương Thị Bích T.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Dương Thị Bích T tự nguyện nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tâm **Đỗ Minh Tùng** **Nguyễn Văn Tiến**